TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 189/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26-8-2024
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Tạ Công Minh

2/ Ông Nguyễn Đức Duy

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Thành Phục – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà Lương Thị Trà My – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 344/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Bùi Thị M,** sinh năm: 1979.

Địa chỉ: ấp BHB, xã BT, huyện CT, tỉnh TG.

- *Bị đơn*: **Nguyễn Thành V**, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: ấp BHB, xã BT, huyện CT, tỉnh TG.

(Chị M có mặt, anh V vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh Nguyễn Thành V tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 1999, có đăng ký kết hôn tại UBND xã BT, huyện CT, tỉnh TG. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2003-2004 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh V không chung thủy. Chị M nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh Vũ không từ bỏ. Đến năm 2022 chị M và anh V không còn sống chung nhà và vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thành V.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 10/6/2001; Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 12/11/2003 và Nguyễn Thành K, sinh ngày 04/12/2005, đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Thành V dù đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định, bị đơn không thực hiện đúng theo quy định. Về nội dung giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoảng 1 Điều 35, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị M.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 10/6/2001; Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 12/11/2003 và Nguyễn Thành K, sinh ngày 04/12/2005, đã trưởng thành nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1] – Về tố tụng**: Bị đơn anh Nguyễn Thành V dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc vì trở ngại khách quan. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[**1]** – **Về nội dung yêu cầu:** Chị Bùi Thị M yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thành V. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị M, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1] Chị M và anh V xác lập hôn nhân vào năm 1996 và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là tuân thủ đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

[1.2] Xét thấy, trong quá trình chung sống giữa chị M và anh V đã phát sinh nhiều mâu thuẩn không thể hàn gắn do bất đồng quan điểm, anh Vũ không chung thủy. Chị M và anh V đã không còn sống cùng nhà từ năm 2022 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng cũng không đưa ra được giải pháp để hàn gắn. Từ đó nhận thấy mâu thuẩn giữa chị M và anh V đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đối với bị đơn anh Nguyễn Thành V dù đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án nhưng anh V không có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị M, đồng thời tại phiên tòa anh V vắng mặt, chứng tỏ anh V không có ý định hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị M là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.3] Về con chung: Chị M và anh V có 03 con chung tên Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 10/6/2001; Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 12/11/2003 và Nguyễn Thành K, sinh ngày 04/12/2005, đã trưởng thành nên không xem xét.

[1.4] Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng không xem xét.

[1.5] Về nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chị M phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 35, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị M.

- Chị Bùi Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Thành V.

2/ Về án phí: Chị Bùi Thị M phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0011393 ngày 10/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã nộp xong án phí.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã BT;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Chinh